

TÒA TRỌNG TÀI
THƯỜNG TRỰC



QUY TẮC TRỌNG TÀI PCA

và các Nghị định thư Tùy chọn
được thông qua năm 2024



Giới thiệu.....	4
------------------------	----------

QUY TẮC

Mục I.

Các quy tắc chung	5
Phạm vi áp dụng (điều 1).....	5
Thông báo và cách tính thời hạn (điều 2)	5
Thông báo trọng tài (điều 3).....	6
Phản hồi thông báo trọng tài (điều 4)	7
Đại diện và hỗ trợ (điều 5).....	8
Cơ quan chỉ định (điều 6)	8

Mục II.

Thành lập hội đồng trọng tài	9
Số lượng trọng tài viên (điều 7)	9
Chỉ định trọng tài viên (điều 8 đến 10).....	9
Công bố thông tin và phản đối trọng tài viên (điều 11 đến 13).....	10
Thay đổi trọng tài viên (điều 14).....	12
Tổ chức lại phiên xét xử trong trường hợp thay đổi trọng tài viên (điều 15).....	12
Miễn trừ trách nhiệm (điều 16).....	12

Mục III.

Tổ tụng trọng tài	13
Các quy định chung (điều 17).....	13
Địa điểm pháp lý của trọng tài (điều 18)	13
Ngôn ngữ trọng tài (điều 19)	14
Đơn khởi kiện (điều 20)	14
Bản tự bảo vệ (điều 21)	15
Sửa đổi nội dung yêu cầu khởi kiện hoặc nội dung tự bảo vệ (điều 22)	15
Phản đối thẩm quyền của hội đồng trọng tài (điều 23)	15
Các bản đệ trình bổ sung (điều 24).....	16
Thời hạn (điều 25)	16
Biện pháp tạm thời (điều 26).....	16
Chứng cứ (điều 27).....	17
Phiên xét xử (điều 28)	18
Chuyên gia được chỉ định bởi hội đồng trọng tài (điều 29)	18
Việc một bên không tham gia tố tụng (điều 30).....	19
Kết thúc thủ tục tố tụng trọng tài (điều 31).....	19
Mất quyền phản đối (điều 32).....	19

Mục IV.

Phán quyết	20
Các quyết định (điều 33)	20
Hình thức và hiệu lực của phán quyết (điều 34)	20
Luật áp dụng, <i>hòa giải công minh</i> (điều 35)	21
Thỏa thuận giải quyết tranh chấp của các bên hoặc các căn cứ chấm dứt tố tụng trọng tài khác (điều 36)	21
Giải thích phán quyết (điều 37)	22
Chỉnh sửa phán quyết (điều 38)	22
Phán quyết bổ sung (điều 39)	22
Ấn định chi phí trọng tài (điều 40)	23
Thù lao và chi phí của các trọng tài viên (điều 41)	23
Phân bổ chi phí trọng tài (điều 42)	24
Khoản tạm ứng cho chi phí trọng tài (điều 43)	24

CÁC NGHỊ ĐỊNH THƯ TÙY CHỌN

Nghị định thư Tùy chọn về các Biện pháp Khẩn cấp Tạm thời của Tòa Trọng tài Thường trực...	26
Nghị định thư Tùy chọn về Thủ tục Rút gọn của Tòa Trọng tài Thường trực	32
Nghị định thư Tùy chọn về Rà soát Phán quyết của Tòa Trọng tài Thường trực	34

PHỤ LỤC

Phụ lục	35
Điều khoản trọng tài mẫu cho hợp đồng	35
Điều khoản trọng tài mẫu cho điều ước quốc tế và các thỏa thuận khác	35
Điều khoản trọng tài mẫu về việc áp dụng các Nghị định thư Tùy chọn	35
Mẫu tuyên bố về việc từ bỏ quyền yêu cầu hủy phán quyết	35
Mẫu tuyên bố về tính vô tư và độc lập quy định tại điều 11 của Quy tắc	36
Chú giải của Ban Thư ký Tòa Trọng tài Thường trực (“PCA”) về Các Thời Hạn được Quy định trong Quy tắc Trọng tài PCA năm 2012 (“Quy tắc PCA năm 2012”)....	36

Giới thiệu

Quy tắc này được sử dụng để giải quyết bằng trọng tài các tranh chấp có liên quan đến ít nhất một Quốc gia, tổ chức chịu sự kiểm soát của Nhà nước, hoặc tổ chức liên chính phủ. Quy tắc này bổ sung thêm một lựa chọn cho việc giải quyết các tranh chấp bằng trọng tài trong khuôn khổ của Tòa Trọng tài Thường trực (sau đây được gọi là “PCA”) mà không thay thế các Quy tắc PCA đã được thông qua trước đó vốn vẫn còn hiệu lực và có thể được áp dụng. Quy tắc này có tính chất tùy chọn và được xây dựng dựa trên Quy tắc Trọng tài UNCITRAL 2010, với một số sửa đổi nhằm đáp ứng các mục đích sau:

- (i) Phản ánh các yếu tố của công pháp quốc tế có thể phát sinh trong các tranh chấp liên quan tới một Quốc gia, tổ chức chịu sự kiểm soát của Nhà nước, và/hoặc tổ chức liên chính phủ;
- (ii) Nêu rõ vai trò của của Tổng Thư ký và Ban Thư ký của PCA; và
- (iii) Nhấn mạnh sự linh hoạt và quyền tự chủ của các bên. Ví dụ:
 - (a) Quy tắc cho phép giải quyết bằng trọng tài đối với các tranh chấp gồm nhiều bên, bao gồm cả Quốc gia, tổ chức chịu sự kiểm soát của Nhà nước, tổ chức liên chính phủ và bên tư nhân;
 - (b) Quy tắc và các dịch vụ được cung cấp bởi Tổng Thư ký và Ban Thư ký của PCA đều có thể được sử dụng bởi các Quốc gia và các tổ chức và doanh nghiệp của họ, và không chỉ được giới hạn áp dụng đối với các tranh chấp liên quan tới một Quốc gia là thành viên của Công ước La Hay về Giải quyết Hòa Bình các Tranh chấp Quốc tế năm 1899 hoặc 1907;
 - (c) Quy tắc cho phép các bên lựa chọn thành lập hội đồng trọng tài gồm một, ba hoặc năm thành viên; và
 - (d) Lựa chọn về trọng tài viên không bị giới hạn ở những người được liệt kê trong danh sách Trọng tài viên Thành viên của PCA.

Các điều khoản mẫu mà các bên có thể xem xét đưa vào điều ước quốc tế, hợp đồng hoặc các thỏa thuận khác để quy định về việc giải quyết bằng trọng tài các tranh chấp đã phát sinh hoặc các tranh chấp phát sinh trong tương lai, hoặc để quy định về việc áp dụng các Nghị định thư Tùy chọn về các Biện pháp Khẩn cấp Tạm thời, Thủ tục Rút gọn và Rà soát Phán quyết được đính kèm tại phụ lục của Quy tắc này.

Mục I.

Các quy tắc chung

Phạm vi áp dụng¹

Điều 1

1. Khi một Quốc gia, tổ chức chịu sự kiểm soát của Nhà nước, hoặc tổ chức liên chính phủ đã thỏa thuận với một hoặc nhiều Quốc gia, tổ chức chịu sự kiểm soát của Nhà nước, hoặc tổ chức liên chính phủ hoặc các bên tư nhân rằng các tranh chấp giữa họ liên quan đến một quan hệ pháp luật xác định, dù là quan hệ hợp đồng, quan hệ dựa trên điều ước quốc tế hay các quan hệ khác, sẽ được giải quyết bằng trọng tài theo Quy tắc Trọng tài của Tòa Trọng tài Thường trực năm 2012 (sau đây được gọi là “Quy tắc”), các tranh chấp đó sẽ được giải quyết theo Quy tắc này cùng với những sửa đổi theo thỏa thuận của các bên tranh chấp.
2. Việc một Quốc gia, tổ chức chịu sự kiểm soát của Nhà nước, hoặc tổ chức liên chính phủ chấp thuận giải quyết tranh chấp bằng trọng tài theo Quy tắc này với một bên không phải là Quốc gia, tổ chức chịu sự kiểm soát của Nhà nước hoặc tổ chức liên chính phủ, được coi là sự từ bỏ quyền miễn trừ tài phán đối với tổ tụng trọng tài liên quan đến tranh chấp giữa hai bên. Việc từ bỏ quyền miễn trừ liên quan đến thi hành phán quyết trọng tài phải được tuyên bố rõ ràng.
3. Ban Thư ký của Tòa Trọng tài Thường trực tại La Hay (sau đây được gọi là “Ban Thư ký”) sẽ đóng vai trò là cơ quan đăng ký cho tổ tụng trọng tài và cung cấp dịch vụ thư ký.
4. Khi tất cả các bên thống nhất giải quyết tranh chấp theo Quy tắc này, sự tham gia của ít nhất một Quốc gia, tổ chức chịu sự kiểm soát của Nhà nước, hoặc tổ chức liên chính phủ với tư cách là một bên trong tranh chấp không còn cần thiết đối với thẩm quyền giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Tuy nhiên, nếu Tổng Thư ký của Tòa Trọng tài Thường trực xác định rằng không có Quốc gia, tổ chức chịu sự kiểm soát của Nhà nước, hoặc tổ chức liên chính phủ là một bên trong tranh chấp, Tổng Thư ký có thể quyết định rằng vai trò của Tòa Trọng tài Thường trực chỉ giới hạn ở việc Tổng Thư ký thực hiện chức năng là cơ quan chỉ định và vai trò của Ban Thư ký theo Quy tắc này sẽ được chuyển giao cho hội đồng trọng tài.

Thông báo và cách tính thời hạn

Điều 2

1. Thông báo, bao gồm thư thông báo, trao đổi hoặc đề xuất, có thể được gửi bằng bất kỳ phương tiện liên lạc nào cung cấp hoặc cho phép ghi nhận về việc gửi thông báo này.

1. Các điều khoản trọng tài mẫu được đính kèm tại phụ lục của Quy tắc này.

2. Nếu một bên hoặc hội đồng trọng tài chỉ định một địa chỉ riêng cho mục đích này, mọi thông báo sẽ được gửi cho bên đó theo địa chỉ đó và thông báo sẽ được coi là đã được nhận bởi bên đó khi được gửi như vậy. Việc gửi thông báo qua phương thức điện tử như fax hoặc thư điện tử chỉ có thể được thực hiện tới địa chỉ đã được chỉ định.
3. Trong trường hợp không có địa chỉ được chỉ định, một thông báo:
 - (a) Đã được nhận nếu thông báo đó được chuyển phát trực tiếp tới địa chỉ của người nhận; hoặc
 - (b) Được coi là đã được nhận nếu thông báo đó được chuyển phát tới địa chỉ kinh doanh, nơi cư trú hoặc địa chỉ thư tín của người nhận.
4. Nếu sau những nỗ lực hợp lý, thông báo vẫn không thể được gửi đi theo quy định tại khoản 2 và 3, thông báo sẽ được coi là đã được nhận nếu thông báo đó được gửi tới địa chỉ kinh doanh, nơi cư trú hoặc địa chỉ thư tín cuối cùng được biết đến của người nhận bằng thư có đảm bảo hoặc bất kỳ phương thức nào khác cung cấp bằng chứng về việc chuyển phát hoặc nỗ lực chuyển phát thông báo đó.
5. Một thông báo được coi là được nhận vào ngày thông báo đó được gửi đi theo quy định tại khoản 2, 3 hoặc 4, hoặc sau các nỗ lực chuyển phát theo quy định tại khoản 4. Một thông báo được gửi qua phương thức điện tử được coi là đã được nhận vào ngày thông báo đó được gửi đi, trừ trường hợp đối với thông báo trọng tài, thông báo này chỉ được coi là đã được nhận vào ngày thông báo đó tới địa chỉ thư điện tử của người nhận.
6. Về cách tính thời hạn theo Quy tắc này, thời hạn được bắt đầu tính từ ngày tiếp theo của ngày thông báo được nhận. Nếu ngày cuối cùng của thời hạn đó rơi vào ngày nghỉ lễ chính thức hoặc ngày nghỉ tại nơi cư trú hoặc kinh doanh của người nhận, thời hạn sẽ được kéo dài đến ngày làm việc đầu tiên sau đó. Khi tính thời hạn, các ngày nghỉ lễ chính thức và ngày nghỉ diễn ra trong thời hạn sẽ được xét đến.

Thông báo trọng tài

Điều 3

1. Một bên hoặc các bên khởi kiện trọng tài (sau đây được gọi là “nguyên đơn”) phải gửi thông báo trọng tài tới một hoặc các bên còn lại (sau đây được gọi là “bị đơn”) và Ban Thư ký.
2. Tổ tụng trọng tài sẽ được coi là bắt đầu vào ngày bị đơn nhận được thông báo trọng tài.
3. Thông báo trọng tài phải có các nội dung sau:
 - (a) Yêu cầu đưa tranh chấp ra trọng tài;
 - (b) Tên và thông tin liên hệ của các bên;
 - (c) Nêu rõ thỏa thuận trọng tài được viện dẫn;
 - (d) Nêu rõ bất kỳ quy tắc, quyết định, thỏa thuận, hợp đồng, hiệp định, điều ước quốc tế, văn kiện sáng lập của tổ chức hoặc cơ quan, hoặc mối quan hệ mà từ đó tranh chấp phát sinh hoặc liên quan đến;
 - (e) Mô tả tóm tắt về nội dung khiếu kiện và giá trị tranh chấp, nếu có;

- (f) Yêu cầu bồi thường hoặc chế tài;
- (g) Đề xuất về số lượng trọng tài viên, ngôn ngữ và địa điểm pháp lý của trọng tài nếu các bên chưa có thỏa thuận trước đó.

4. Thông báo trọng tài có thể bao gồm nội dung sau:

- (a) Đề xuất chỉ định một trọng tài viên duy nhất theo quy định tại điều 8, khoản 1;
- (b) Thông báo về việc chỉ định trọng tài viên theo quy định tại điều 9 hoặc điều 10.

5. Việc thành lập hội đồng trọng tài sẽ không bị cản trở bởi bất kỳ bất đồng nào liên quan đến tính đầy đủ của thông báo trọng tài, mà bất đồng này sẽ được hội đồng trọng tài giải quyết.

Phản hồi thông báo trọng tài

Điều 4

1. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trọng tài hoặc trong thời hạn khác do Ban Thư ký ấn định, bị đơn phải gửi cho nguyên đơn và Ban Thư ký phản hồi thông báo trọng tài gồm các nội dung sau:

- (a) Tên và thông tin liên hệ của mỗi bị đơn;
- (b) Phản hồi những thông tin được nêu trong thông báo trọng tài được quy định tại điều 3, khoản 3 (c) đến (g).

2. Phản hồi thông báo trọng tài cũng có thể bao gồm các nội dung sau:

- (a) Bất kỳ phản đối nào về thẩm quyền của hội đồng trọng tài sẽ được thành lập theo quy định của Quy tắc này;
- (b) Đề xuất chỉ định một trọng tài viên duy nhất theo quy định tại điều 8, khoản 1;
- (c) Thông báo về việc chỉ định trọng tài viên theo quy định tại điều 9 hoặc điều 10;
- (d) Mô tả tóm tắt về yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu để bù trừ nghĩa vụ, nếu có, và khi phù hợp, nêu rõ giá trị tranh chấp và các yêu cầu bồi thường hoặc chế tài;
- (e) Thông báo trọng tài theo quy định tại điều 3 trong trường hợp bị đơn đưa ra khiếu kiện với một bên trong thỏa thuận trọng tài mà không phải nguyên đơn.

3. Việc thành lập hội đồng trọng tài sẽ không bị cản trở bởi bất kỳ bất đồng nào liên quan tới việc bị đơn không gửi phản hồi thông báo trọng tài hoặc gửi phản hồi thông báo trọng tài không hoàn thiện hoặc không đúng hạn, mà bất đồng này sẽ được giải quyết bởi hội đồng trọng tài.

Đại diện và hỗ trợ

Điều 5

1. Trong các tranh chấp chỉ liên quan tới các Quốc gia và/hoặc các tổ chức liên chính phủ, mỗi bên phải chỉ định một người đại diện pháp lý. Mỗi bên cũng có thể được nhận hỗ trợ từ những người khác mà bên đó lựa chọn.
2. Trong các tranh chấp khác theo Quy tắc này, mỗi bên có thể được đại diện và hỗ trợ bởi những người mà bên đó lựa chọn.
3. Tên và địa chỉ của người đại diện pháp lý, người đại diện của các bên và những người hỗ trợ khác phải được thông báo cho các bên, Ban Thư ký và hội đồng trọng tài. Thông báo phải nêu rõ việc chỉ định được thực hiện với mục đích đại diện hay hỗ trợ. Trường hợp một người được chỉ định làm đại diện pháp lý hoặc đại diện cho một bên, hội đồng trọng tài, theo quyết định của mình hoặc theo yêu cầu của bên còn lại, có thể yêu cầu cung cấp bằng chứng về việc người đại diện pháp lý hoặc người đại diện được ủy quyền theo hình thức mà hội đồng trọng tài quyết định.

Cơ quan chỉ định

Điều 6

1. Tổng Thư ký của Tòa Trọng tài Thường trực sẽ đóng vai trò là cơ quan chỉ định.
2. Khi thực hiện các chức năng của mình theo Quy tắc này, cơ quan chỉ định có thể yêu cầu các bên và các trọng tài viên cung cấp thông tin mà cơ quan chỉ định cho là cần thiết, và khi phù hợp, cơ quan chỉ định có thể tạo điều kiện cho các bên và các trọng tài viên trình bày ý kiến của mình theo bất kỳ hình thức nào mà cơ quan chỉ định cho là phù hợp.
3. Cơ quan chỉ định phải xem xét các ý kiến đó để đảm bảo chỉ định được một trọng tài viên độc lập và vô tư, và sẽ xem xét khả năng chỉ định trọng tài viên không mang quốc tịch của bất kỳ bên nào.

Mục II.

Thành lập hội đồng trọng tài

Số lượng trọng tài viên

Điều 7

1. Nếu các bên chưa thống nhất về số lượng trọng tài viên và các bên không thống nhất được số lượng trọng tài viên trong vòng 30 ngày sau khi bị đơn nhận được thông báo trọng tài, ba trọng tài viên sẽ được chỉ định.
2. Mặc dù có quy định tại khoản 1, nếu không có bên nào khác phản hồi đối với đề xuất chỉ định một trọng tài viên duy nhất trong thời hạn được quy định tại khoản 1 và một hoặc nhiều bên liên quan không chỉ định trọng tài viên thứ hai theo quy định tại điều 9 và điều 10, theo yêu cầu của một bên, cơ quan chỉ định có thể chỉ định một trọng tài viên duy nhất theo thủ tục được quy định tại điều 8, khoản 2 nếu cơ quan chỉ định nhận thấy điều đó là phù hợp với hoàn cảnh của vụ kiện.

Chỉ định trọng tài viên (điều 8 đến 10)

Điều 8

1. Nếu các bên đã thống nhất chỉ định một trọng tài viên duy nhất, và nếu các bên không thống nhất được việc chỉ định đó trong vòng 30 ngày kể từ sau khi tất cả các bên khác nhận được đề xuất về một ứng cử viên cho vị trí trọng tài viên duy nhất, theo yêu cầu của một bên, cơ quan chỉ định sẽ chỉ định trọng tài viên duy nhất.
2. Cơ quan chỉ định sẽ chỉ định trọng tài viên duy nhất trong khoảng thời gian nhanh nhất có thể. Khi chỉ định trọng tài viên, cơ quan chỉ định phải thực hiện thủ tục lựa chọn theo danh sách dưới đây, trừ trường hợp các bên thống nhất không sử dụng thủ tục lựa chọn theo danh sách hoặc cơ quan chỉ định quyết định rằng việc sử dụng thủ tục lựa chọn theo danh sách không phù hợp với vụ kiện:
 - (a) Cơ quan chỉ định sẽ gửi cho các bên một danh sách giống nhau bao gồm ít nhất ba ứng cử viên;
 - (b) Trong vòng 15 ngày kể từ sau khi nhận được danh sách đó hoặc trong thời hạn khác được quy định bởi Ban Thư ký, mỗi bên phải nộp lại cho cơ quan chỉ định, mà không gửi cho bên còn lại, danh sách sau khi đã gạch bỏ một hoặc nhiều ứng viên mà họ phản đối và đánh số các ứng viên còn lại trong danh sách theo thứ tự ưu tiên của họ;
 - (c) Khi hết thời hạn nêu trên, cơ quan chỉ định phải chỉ định một trọng tài viên duy nhất trong số các ứng viên được lựa chọn trong danh sách mà cơ quan chỉ định nhận được và theo thứ tự ưu tiên của các bên;
 - (d) Nếu vì bất kỳ lý do nào mà việc chỉ định trọng tài viên không thể được thực hiện theo thủ tục này, cơ quan chỉ định có thể tự chỉ định một trọng tài viên duy nhất.

Điều 9

1. Trong trường hợp hội đồng trọng tài gồm ba trọng tài viên, mỗi bên sẽ chỉ định một trọng tài viên. Hai trọng tài viên do các bên chỉ định sẽ lựa chọn trọng tài viên thứ ba làm chủ tịch hội đồng trọng tài. Trong trường hợp hội đồng trọng tài gồm năm trọng tài viên, hai trọng tài viên do các bên chỉ định sẽ lựa chọn ba trọng tài viên còn lại và bổ nhiệm một trong ba trọng tài viên đó làm chủ tịch hội đồng trọng tài.
2. Nếu trong vòng 30 ngày kể từ sau khi nhận được thông báo về việc chỉ định trọng tài viên của một bên, bên còn lại không thông báo cho bên kia về trọng tài viên mà họ chỉ định, bên đã chỉ định trọng tài viên có thể yêu cầu cơ quan chỉ định chỉ định trọng tài viên thứ hai.
3. Nếu trong vòng 30 ngày sau khi trọng tài viên thứ hai được chỉ định hoặc theo thời hạn khác được Ban Thư ký ấn định, hai trọng tài viên vẫn chưa thống nhất lựa chọn được các trọng tài viên còn lại và/hoặc chủ tịch hội đồng trọng tài, các trọng tài viên còn lại và/hoặc chủ tịch hội đồng trọng tài sẽ được chỉ định bởi cơ quan chỉ định với cách thức được áp dụng tương tự cho việc chỉ định trọng tài viên duy nhất được quy định tại điều 8, khoản 2.

Điều 10

1. Theo quy định tại điều 9, khoản 1, khi ba hoặc năm trọng tài viên được chỉ định và có nhiều bên đóng vai trò là nguyên đơn hoặc bị đơn, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác về cách thức chỉ định trọng tài viên, các bên thuộc cùng một phía, dù là nguyên đơn hay bị đơn, sẽ cùng chỉ định trọng tài viên.
2. Nếu các bên đã thống nhất hội đồng trọng tài có số thành viên khác một, ba và năm, các trọng tài viên sẽ được chỉ định theo cách thức mà các bên thỏa thuận.
3. Trong trường hợp không thành lập được hội đồng trọng tài theo Quy tắc này, theo yêu cầu của một bên, cơ quan chỉ định sẽ thành lập hội đồng trọng tài và để làm được điều này, cơ quan chỉ định có thể hủy bỏ việc chỉ định đã được thực hiện, chỉ định từng trọng tài viên và bổ nhiệm một trong số họ làm chủ tịch hội đồng trọng tài. Cơ quan chỉ định có thể chỉ định lại những trọng tài viên đã được chỉ định trước đó nếu thấy phù hợp.
4. Khi chỉ định trọng tài viên theo Quy tắc này, các bên và cơ quan chỉ định được tự do lựa chọn những người không phải là Trọng tài viên Thành viên của Tòa Trọng tài Thường trực.

Công bố thông tin và phản đối trọng tài viên² (Điều 11 đến 13)**Điều 11**

Khi một người được liên hệ về việc họ có thể được chỉ định làm trọng tài viên, người đó phải công bố bất kỳ tình tiết nào có thể dẫn đến những nghi ngờ chính đáng về tính vô tư và độc lập của họ. Một trọng tài viên, kể từ khi được chỉ định và xuyên suốt quá trình tố tụng trọng tài, phải công bố bất kỳ tình tiết nào như vậy ngay lập tức cho các bên và các trọng tài viên còn lại, trừ trường hợp các bên và trọng tài viên đó đã được thông báo về tình tiết đó.

2. Mẫu tuyên bố về tính độc lập theo điều 11 được đính kèm tại phụ lục của Quy tắc này.

Điều 12

1. Bất kỳ trọng tài viên nào cũng có thể bị phản đối nếu có tình tiết dẫn tới các nghi ngờ chính đáng về tính vô tư và độc lập của trọng tài viên đó.
2. Một bên chỉ có thể phản đối trọng tài viên mà họ chỉ định vì những lí do mà bên đó biết được sau khi việc chỉ định đã được thực hiện.
3. Trong trường hợp một trọng tài viên không thực hiện chức năng của mình hoặc không thể thực hiện được chức năng của mình vì lí do pháp lý hoặc thực tế, thủ tục phản đối trọng tài viên được quy định tại điều 13 sẽ được áp dụng.
4. Nếu một trọng tài viên trong một hội đồng trọng tài gồm ba, năm thành viên hoặc nhiều hơn không tham gia tổ tụng trọng tài, các trọng tài viên khác sẽ có toàn quyền quyết định tiếp tục tiến hành tổ tụng trọng tài và đưa ra bất kỳ quyết định, kết luận hoặc phán quyết nào cho dù một trọng tài viên không thể tham gia. Khi quyết định có nên tiếp tục tiến hành tổ tụng trọng tài hoặc ban hành quyết định khi không có sự tham gia của một trọng tài viên, các trọng tài viên khác phải xem xét đến giai đoạn của tổ tụng trọng tài, lí do khiến trọng tài viên đó không thể tham gia, nếu có, và các vấn đề khác mà họ thấy phù hợp với bối cảnh của vụ kiện. Trong trường hợp các trọng tài viên khác quyết định không tiếp tục tiến hành tổ tụng trọng tài khi không có sự tham gia của một trọng tài viên, hội đồng trọng tài sẽ tuyên bố vị trí đó bị bỏ trống, và theo quy định tại điều 14, khoản 2, một trọng tài viên thay thế sẽ được chỉ định theo quy định tại điều 8 đến 11, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác về cách thức chỉ định trọng tài viên.

Điều 13

1. Một bên có ý định phản đối trọng tài viên phải gửi thông báo về việc phản đối đó trong vòng 30 ngày kể từ sau khi bên đó được thông báo về việc chỉ định trọng tài viên mà họ phản đối, hoặc trong vòng 30 ngày kể từ sau khi bên đó biết được các tình tiết được đề cập tại điều 11 và điều 12.
2. Thông báo về việc phản đối trọng tài viên phải được gửi tới tất cả các bên, trọng tài viên bị yêu cầu thay đổi, các trọng tài viên khác và Ban Thư ký. Thông báo về việc phản đối trọng tài viên cần nêu các lí do cho việc phản đối đó.
3. Khi một bên phản đối trọng tài viên, tất cả các bên khác có thể đồng ý với phản đối đó. Sau khi bị phản đối, trọng tài viên cũng có thể rút khỏi vị trí của mình. Cả hai trường hợp này đều thể hiện sự chấp thuận đối với tính hợp lệ của các cơ sở dẫn tới việc phản đối trọng tài viên.
4. Nếu trong vòng 15 ngày kể từ ngày có thông báo về việc phản đối trọng tài viên, tất cả các bên không đồng ý với phản đối đó hoặc trọng tài viên bị phản đối không rút khỏi vị trí, bên phản đối có thể tiếp tục yêu cầu giải quyết phản đối của mình. Trong trường hợp đó, trong vòng 30 ngày kể từ ngày có thông báo về việc phản đối trọng tài viên, bên phản đối có thể yêu cầu cơ quan chỉ định ban hành quyết định về việc phản đối trọng tài viên.
5. Khi ra quyết định về việc phản đối trọng tài viên, cơ quan chỉ định có thể giải thích lí do cho quyết định của mình, trừ trường hợp các bên nhất trí về việc không cần cung cấp những lí giải đó.

Thay đổi trọng tài viên

Điều 14

1. Phù hợp với quy định tại khoản 2 của điều này, trong bất kỳ trường hợp nào khi một trọng tài viên cần được thay đổi trong quá trình tổ tụng trọng tài, một trọng tài viên thay thế sẽ được chỉ định hoặc lựa chọn theo thủ tục được quy định tại điều 8 đến 11 mà có thể được áp dụng cho việc chỉ định hoặc lựa chọn trọng tài viên thay thế. Thủ tục này được áp dụng cả trong trường hợp một bên không thực hiện quyền chỉ định của mình hoặc không tham gia vào việc chỉ định trong quá trình chỉ định trọng tài viên thay thế.
2. Nếu theo yêu cầu của một bên, cơ quan chỉ định xác định rằng vì trường hợp đặc biệt của vụ kiện, việc một bên bị tước quyền chỉ định trọng tài viên thay thế là chính đáng, cơ quan chỉ định có thể chỉ định trọng tài viên thay thế sau khi đã tạo điều kiện cho các bên và các trọng tài viên còn lại trình bày quan điểm của mình.

Tổ chức lại phiên xét xử trong trường hợp thay đổi trọng tài viên

Điều 15

Nếu một trọng tài viên bị thay đổi, tổ tụng trọng tài sẽ được tiếp tục tiến hành ở giai đoạn mà trọng tài viên bị thay thế không còn thực hiện chức năng của họ, trừ trường hợp hội đồng trọng tài có quyết định khác.

Miễn trừ trách nhiệm

Điều 16

Các bên từ bỏ quyền khởi kiện các trọng tài viên hoặc bất kỳ người nào được chỉ định bởi hội đồng trọng tài, trong phạm vi tối đa được pháp luật áp dụng cho phép, đối với bất kỳ hành động hoặc thiếu sót nào của họ phát sinh liên quan tới tổ tụng trọng tài.

Mục III.

Tổ tụng trọng tài

Các quy định chung

Điều 17

1. Phù hợp với quy định của Quy tắc này, hội đồng trọng tài có thể tiến hành tổ tụng trọng tài theo cách thức mà họ cho là phù hợp, với điều kiện các bên được đối xử bình đẳng và tại giai đoạn thích hợp của tổ tụng trọng tài, mỗi bên được tạo điều kiện hợp lý để trình bày quan điểm của mình. Theo cách điều hành của mình, hội đồng trọng tài phải tiến hành tổ tụng theo cách thức tránh gây chậm trễ và phát sinh chi phí không cần thiết, và đảm bảo quá trình giải quyết tranh chấp giữa các bên được tiến hành một cách công bằng và hiệu quả.
2. Ngay sau khi được thành lập và sau khi đã tạo cơ hội cho các bên bày tỏ quan điểm của mình, hội đồng trọng tài sẽ thiết lập thời gian biểu tổ tụng tạm thời. Hội đồng trọng tài có thể, tại bất kỳ thời điểm nào, gia hạn hoặc rút ngắn bất kỳ thời hạn nào được quy định trong Quy tắc này hoặc được thống nhất bởi các bên.
3. Nếu có yêu cầu của bất kỳ bên nào tại một giai đoạn phù hợp của quá trình tổ tụng trọng tài, hội đồng trọng tài sẽ tổ chức phiên xét xử để phục vụ cho việc trình bày chứng cứ của người làm chứng, bao gồm cả chuyên gia, hoặc cho việc tranh tụng. Trong trường hợp không có yêu cầu, hội đồng trọng tài sẽ quyết định xem có cần tổ chức phiên xét xử này hoặc tiến hành tổ tụng trọng tài dựa trên các bản đệ trình và các tài liệu khác.
4. Một bên phải gửi đồng thời mọi trao đổi của bên đó với hội đồng trọng tài cho tất cả các bên còn lại và Ban Thư ký. Các trao đổi này cần được gửi cùng lúc, trừ trường hợp hội đồng trọng tài có chỉ dẫn khác dựa trên luật áp dụng.
5. Theo yêu cầu của bất kỳ bên nào, hội đồng trọng tài có thể cho phép một hoặc nhiều bên thứ ba tham gia tổ tụng trọng tài với tư cách là một bên với điều kiện bên thứ ba đó là một bên của thỏa thuận trọng tài, trừ trường hợp sau khi tham vấn ý kiến của các bên, bao gồm cả bên hoặc các bên có thể tham gia tổ tụng trọng tài, hội đồng trọng tài nhận thấy việc cho phép bên thứ ba tham gia sẽ ảnh hưởng đến các bên khác. Hội đồng trọng tài có thể đưa ra một phán quyết riêng biệt hoặc nhiều phán quyết về tất cả các bên tham gia tổ tụng trọng tài.

Địa điểm pháp lý của trọng tài

Điều 18

1. Nếu các bên chưa thống nhất từ trước về địa điểm pháp lý của trọng tài, địa điểm pháp lý của trọng tài sẽ được hội đồng trọng tài xác định sau khi xem xét các tình tiết của vụ kiện. Phán quyết trọng tài được coi là đã được ban hành tại địa điểm pháp lý của trọng tài.

2. Hội đồng trọng tài có thể họp tại bất kỳ địa điểm nào mà họ cho là phù hợp cho việc thảo luận. Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, hội đồng trọng tài có thể họp tại bất kỳ địa điểm nào mà họ cho là phù hợp cho các mục đích khác, bao gồm việc tổ chức phiên xét xử.

Ngôn ngữ trọng tài

Điều 19

1. Dựa trên thỏa thuận của các bên, hội đồng trọng tài sẽ xác định ngôn ngữ hoặc các ngôn ngữ được sử dụng trong tổ tụng trọng tài ngay sau khi họ được chỉ định. Việc xác định ngôn ngữ này sẽ áp dụng cho đơn khởi kiện, bản tự bảo vệ và các tuyên bố bằng văn bản khác, và cũng được áp dụng để xác định ngôn ngữ hoặc các ngôn ngữ được sử dụng trong các phiên xét xử nếu các phiên xét xử này được tổ chức.
2. Hội đồng trọng tài có thể yêu cầu bất kỳ tài liệu nào với ngôn ngữ gốc được đính kèm với đơn khởi kiện, bản tự bảo vệ và các tài liệu và chứng cứ bổ sung được đệ trình trong quá trình tổ tụng trọng tài phải được nộp cùng một bản dịch sang ngôn ngữ hoặc các ngôn ngữ được thỏa thuận bởi các bên hoặc được xác định bởi hội đồng trọng tài.

Đơn khởi kiện

Điều 20

1. Nguyên đơn phải gửi đơn khởi kiện bằng văn bản cho bị đơn, Ban Thư ký và từng trọng tài viên trong thời hạn được ấn định bởi hội đồng trọng tài. Nguyên đơn có thể lựa chọn coi thông báo trọng tài được quy định tại điều 3 là đơn khởi kiện, với điều kiện thông báo trọng tài đó đáp ứng các yêu cầu được quy định tại khoản 2 đến 4 của điều này.
2. Đơn khởi kiện phải bao gồm các nội dung sau:
 - (a) Tên và thông tin liên hệ của các bên;
 - (b) Bản trình bày các tình tiết thực tế làm cơ sở cho yêu cầu khởi kiện;
 - (c) Các vấn đề tranh chấp;
 - (d) Yêu cầu bồi thường hoặc chế tài;
 - (e) Cơ sở pháp lý hoặc lập luận cho yêu cầu khởi kiện.
3. Đơn khởi kiện cần đính kèm bản sao của bất kỳ quy tắc, quyết định, thỏa thuận, hợp đồng, công ước, điều ước quốc tế, văn kiện sáng lập của một tổ chức hoặc cơ quan, hoặc mối quan hệ mà từ đó tranh chấp phát sinh hoặc liên quan đến, và thỏa thuận trọng tài.
4. Trong phạm vi có thể, đơn khởi kiện nên đính kèm tất cả các tài liệu và chứng cứ khác mà nguyên đơn sử dụng làm căn cứ hoặc đề cập tới.

Bản tự bảo vệ

Điều 21

1. Bị đơn phải gửi bản tự bảo vệ bằng văn bản cho nguyên đơn, Ban Thư ký và từng trọng tài viên trong thời hạn được ấn định bởi hội đồng trọng tài. Bị đơn có thể lựa chọn coi phản hồi thông báo trọng tài được quy định tại điều 4 là bản tự bảo vệ, với điều kiện phản hồi thông báo trọng tài đó đáp ứng những yêu cầu được quy định tại khoản 2 của điều này.
2. Bản tự bảo vệ phải phản hồi các nội dung được quy định tại điểm (b) đến (e) của đơn khởi kiện (điều 20, khoản 2). Trong phạm vi có thể, bản tự bảo vệ nên đính kèm các tài liệu và chứng cứ khác mà bị đơn sử dụng làm căn cứ hoặc đề cập tới.
3. Trong bản tự bảo vệ hoặc nếu hội đồng trọng tài cho phép trì hoãn tới giai đoạn sau của quá trình tố tụng trọng tài dựa trên những lý do chính đáng, bị đơn có thể đưa ra yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu để bù trừ nghĩa vụ, với điều kiện hội đồng trọng tài có thẩm quyền giải quyết yêu cầu đó.
4. Các quy định tại điều 20, khoản 2 đến 4 sẽ được áp dụng cho yêu cầu phản tố, yêu cầu theo điều 4, khoản 2(e) và yêu cầu để bù trừ nghĩa vụ.

Sửa đổi nội dung yêu cầu khởi kiện hoặc nội dung tự bảo vệ

Điều 22

Trong quá trình tố tụng trọng tài, một bên có thể sửa đổi hoặc bổ sung yêu cầu khởi kiện hoặc nội dung tự bảo vệ, bao gồm cả yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu để bù trừ nghĩa vụ, trừ trường hợp hội đồng trọng tài cho rằng việc sửa đổi hoặc bổ sung đó không phù hợp do có thể gây trì hoãn hoặc ảnh hưởng tới các bên khác, hay do bất kỳ các tình huống nào khác. Tuy nhiên, yêu cầu khởi kiện hoặc nội dung tự bảo vệ, bao gồm cả yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu để bù trừ nghĩa vụ, không thể được sửa đổi hoặc bổ sung theo cách khiến cho yêu cầu khởi kiện và nội dung tự bảo vệ sau khi được sửa đổi hoặc bổ sung đó vượt quá thẩm quyền giải quyết của hội đồng trọng tài.

Phản đối thẩm quyền của hội đồng trọng tài

Điều 23

1. Hội đồng trọng tài có quyền quyết định thẩm quyền của chính mình, bao gồm cả phản đối về sự tồn tại hoặc giá trị pháp lý của thỏa thuận trọng tài. Phù hợp với mục đích này, điều khoản trọng tài trong một hợp đồng, điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận khác sẽ được coi là một thỏa thuận độc lập với các điều khoản khác của hợp đồng, điều ước quốc tế hay các thỏa thuận khác. Việc hội đồng trọng tài xác định rằng hợp đồng, điều ước quốc tế hay các thỏa thuận khác vô hiệu không đương nhiên làm mất hiệu lực của điều khoản trọng tài.

2. Việc phản đối thẩm quyền của hội đồng trọng tài phải được đưa ra chậm nhất ở trong bản tự bảo vệ, hoặc trong phản hồi yêu cầu phản tố hoặc phản hồi yêu cầu để bù trừ nghĩa vụ đối với yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu để bù trừ nghĩa vụ. Một bên không bị hạn chế đưa ra phản đối này chỉ vì họ đã chỉ định hoặc tham gia vào việc chỉ định trọng tài viên. Việc phản đối do hội đồng trọng tài vượt quá thẩm quyền phải được đưa ra ngay khi vấn đề vượt quá thẩm quyền phát sinh trong quá trình tổ tụng trọng tài. Trong cả hai trường hợp, hội đồng trọng tài có thể chấp nhận việc phản đối được đưa ra tại thời điểm muộn hơn nếu họ nhận thấy việc chậm trễ là chính đáng.
3. Hội đồng trọng tài có thể đưa ra quyết định đối với việc phản đối được quy định tại khoản 2 như một vấn đề sơ bộ hoặc trong một phán quyết về nội dung của vụ kiện. Hội đồng trọng tài có thể tiếp tục tiến hành tổ tụng trọng tài và ban hành phán quyết kể cả khi thẩm quyền của họ bị phản đối tại một cơ quan chức năng.

Các bản đệ trình bổ sung

Điều 24

Bên cạnh đơn khởi kiện và bản tự bảo vệ, hội đồng trọng tài sẽ quyết định các bản đệ trình bổ sung mà các bên cần nộp hoặc trình bày, và sẽ ấn định thời hạn nộp các bản đệ trình đó.

Thời hạn

Điều 25

Thời hạn được ấn định bởi hội đồng trọng tài cho việc nộp các bản đệ trình (bao gồm cả đơn khởi kiện và bản tự bảo vệ) không được vượt quá 45 ngày. Tuy nhiên, hội đồng trọng tài có thể gia hạn nếu họ nhận thấy việc gia hạn là chính đáng.

Biện pháp tạm thời

Điều 26

1. Hội đồng trọng tài có thể, theo yêu cầu của một bên, áp dụng các biện pháp tạm thời.
2. Biện pháp tạm thời là biện pháp có tính chất tạm thời mà hội đồng trọng tài yêu cầu một bên thực hiện tại bất kỳ thời điểm nào trước khi phán quyết được ban hành, ví dụ như và không giới hạn:
 - (a) Duy trì hoặc khôi phục hiện trạng cho tới khi cho tới khi tranh chấp được giải quyết;
 - (b) Ngăn chặn hoặc không được thực hiện các hành vi có thể gây (i) thiệt hại trong hiện tại hoặc tương lai, hoặc (ii) phương hại tới quá trình tổ tụng trọng tài;
 - (c) Cung cấp cách thức để bảo toàn tài sản có thể được sử dụng để thi hành phán quyết sau này; hoặc
 - (d) Bảo toàn chứng cứ có thể liên quan tới và quan trọng với việc giải quyết tranh chấp.

3. Bên yêu cầu áp dụng biện pháp tạm thời được quy định tại khoản 2 (a) đến (c) cần chứng minh cho hội đồng trọng tài rằng:
 - (a) Có thể xảy ra thiệt hại mà không thể được khắc phục thích đáng bằng phán quyết về bồi thường thiệt hại nếu biện pháp tạm thời không được ban hành, và thiệt hại đó lớn hơn nhiều so với thiệt hại mà bên bị áp dụng biện pháp tạm thời phải chịu nếu biện pháp tạm thời được ban hành;
 - (b) Có nhiều khả năng bên yêu cầu áp dụng biện pháp tạm thời sẽ thắng kiện. Việc xác định khả năng thắng kiện sẽ không ảnh hưởng tới quyền tự quyết định phán quyết sau này của hội đồng trọng tài.
4. Đối với yêu cầu áp dụng biện pháp tạm thời theo khoản 2 (d), các yêu cầu được quy định tại khoản 3 (a) và (b) sẽ chỉ được áp dụng trong phạm vi mà hội đồng trọng tài cho là phù hợp.
5. Hội đồng trọng tài có thể sửa đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt áp dụng biện pháp tạm thời mà họ đã ban hành khi có yêu cầu của bất kỳ bên nào, hoặc theo quyết định của hội đồng trọng tài trong trường hợp đặc biệt và sau khi đã thông báo trước cho các bên.
6. Hội đồng trọng tài có thể yêu cầu bên yêu cầu áp dụng biện pháp tạm thời thực hiện biện pháp bảo đảm phù hợp với biện pháp được áp dụng.
7. Hội đồng trọng tài có thể yêu cầu các bên thông báo kịp thời về những thay đổi quan trọng trong hoàn cảnh dẫn tới việc yêu cầu hoặc ban hành biện pháp tạm thời.
8. Bên yêu cầu áp dụng biện pháp tạm thời có thể phải chịu trách nhiệm đối với chi phí và thiệt hại gây ra bởi biện pháp tạm thời cho bất kỳ bên nào khác nếu hội đồng trọng tài nhận thấy rằng biện pháp tạm thời đáng lẽ không nên được ban hành trong hoàn cảnh tại thời điểm đó. Hội đồng trọng tài có thể ban hành quyết định về các khoản chi phí và thiệt hại đó tại bất kỳ thời điểm nào của quá trình tố tụng.
9. Việc một bên gửi yêu cầu áp dụng biện pháp tạm thời tới cơ quan tư pháp sẽ không bị coi là trái với thỏa thuận trọng tài hoặc là sự từ bỏ thỏa thuận trọng tài đó.

Chứng cứ

Điều 27

1. Mỗi bên có nghĩa vụ chứng minh các tình tiết thực tế mà họ đưa ra làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện hoặc nội dung tự bảo vệ của mình.
2. Người làm chứng, bao gồm chuyên gia, được các bên đưa ra để làm chứng trước hội đồng trọng tài về các vấn đề thực tế hay chuyên môn có thể là bất kỳ cá nhân nào, kể cả khi cá nhân đó là một bên hoặc có mối liên hệ với một bên trong tố tụng trọng tài. Trừ trường hợp hội đồng trọng tài có chỉ dẫn khác, các tuyên bố của người làm chứng, bao gồm chuyên gia, phải được trình bày bằng văn bản và có chữ ký của người đó.
3. Tại bất kỳ thời điểm nào của tố tụng trọng tài, hội đồng trọng tài có thể yêu cầu các bên cung cấp tài liệu, chứng cứ hay các bằng chứng khác trong thời hạn mà hội đồng trọng tài ấn định. Hội đồng trọng tài cũng có thể tiến hành khảo sát thực địa sau khi tham vấn ý kiến của các bên.
4. Hội đồng trọng tài sẽ đưa ra quyết định về việc chấp nhận, tính liên quan, mức độ quan trọng và sự cần thiết của các bằng chứng được cung cấp.

Phiên xét xử

Điều 28

1. Trong trường hợp phiên xét xử được tổ chức, hội đồng trọng tài phải có thông báo trước cho các bên trong một khoảng thời gian hợp lý về ngày, giờ và địa điểm tổ chức phiên xét xử.
2. Người làm chứng, bao gồm cả chuyên gia, có thể được lấy lời khai theo các điều kiện và được thẩm vấn theo cách thức do hội đồng trọng tài quyết định.
3. Phiên xét xử sẽ được tiến hành *không công khai*, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Hội đồng trọng tài có thể yêu cầu bất kỳ người làm chứng nào, bao gồm cả chuyên gia, không được tham gia phiên xét xử trong quá trình thẩm vấn người làm chứng khác, trừ trường hợp người làm chứng, bao gồm cả chuyên gia, là một bên trong vụ kiện trọng tài và về nguyên tắc không thể bị yêu cầu vắng mặt trong phiên xét xử.
4. Hội đồng trọng tài có thể yêu cầu người làm chứng, bao gồm cả chuyên gia, tham gia thẩm vấn thông qua các phương tiện viễn thông mà không yêu cầu họ phải có mặt trực tiếp tại phiên xét xử (ví dụ như hội nghị truyền hình).

Chuyên gia được chỉ định bởi hội đồng trọng tài

Điều 29

1. Sau khi tham vấn các bên, hội đồng trọng tài có thể chỉ định một hoặc nhiều chuyên gia độc lập để báo cáo cho hội đồng trọng tài bằng văn bản về các vấn đề cụ thể được xác định bởi hội đồng trọng tài. Các bên sẽ được gửi bản sao mô tả công việc của chuyên gia được lập bởi hội đồng trọng tài.
2. Về nguyên tắc, trước khi chấp nhận việc chỉ định, chuyên gia phải nộp cho hội đồng trọng tài và các bên bản mô tả về trình độ chuyên môn và tuyên bố về tính vô tư và độc lập của họ. Trong thời hạn do hội đồng trọng tài ấn định, các bên phải thông báo cho hội đồng trọng tài nếu có bất kỳ phản đối nào liên quan đến trình độ chuyên môn, tính vô tư và tính độc lập của chuyên gia đó. Hội đồng trọng tài sẽ nhanh chóng quyết định có chấp nhận các phản đối đó hay không. Sau khi chuyên gia được chỉ định, một bên chỉ có thể phản đối về trình độ chuyên môn, tính vô tư hoặc tính độc lập của chuyên gia nếu bên đó chỉ biết được những lí do dẫn đến việc phản đối sau khi chuyên gia đã được chỉ định. Hội đồng trọng tài cần quyết định nhanh chóng các bước tiếp theo cần thực hiện, nếu có.
3. Các bên có thể cung cấp cho chuyên gia các thông tin liên quan hoặc cung cấp các tài liệu hoặc hàng hóa liên quan mà chuyên gia có thể yêu cầu để tiến hành kiểm tra. Bất kỳ tranh chấp nào giữa một bên và chuyên gia về mức độ liên quan của thông tin hoặc tài liệu, hàng hóa được yêu cầu cung cấp phải được thông báo với hội đồng trọng tài để hội đồng trọng tài giải quyết.
4. Khi nhận được báo cáo của chuyên gia, hội đồng trọng tài cần gửi bản sao của báo cáo đó cho các bên và tạo điều kiện cho các bên cung cấp ý kiến bằng văn bản về báo cáo đó. Một bên có quyền kiểm tra bất kỳ tài liệu nào mà chuyên gia sử dụng làm cơ sở cho báo cáo của họ.

5. Nếu một bên yêu cầu hoặc nếu hội đồng trọng tài cho là cần thiết, sau khi nộp báo cáo, chuyên gia phải tham gia phiên xét xử mà tại đó các bên có cơ hội đặt câu hỏi cho chuyên gia và đưa ra chuyên gia của mình để làm rõ các vấn đề tranh chấp. Quy định tại điều 28 sẽ được áp dụng đối với thủ tục này.

Việc một bên không tham gia tổ tụng

Điều 30

1. Trong thời hạn được ấn định bởi Quy tắc này hoặc bởi hội đồng trọng tài, nếu không có lý do chính đáng:
 - (a) Nguyên đơn không nộp đơn khởi kiện, hội đồng trọng tài sẽ ban hành lệnh chấm dứt tổ tụng trọng tài, trừ trường hợp vẫn còn các vấn đề cần được giải quyết và hội đồng trọng tài cho là phù hợp để tiếp tục;
 - (b) Bị đơn không nộp phản hồi thông báo trọng tài hoặc bản tự bảo vệ, hội đồng trọng tài có thể quyết định tiếp tục tiến hành tổ tụng trọng tài mà không coi việc bị đơn không nộp các bản đệ trình đó là sự thừa nhận các cáo buộc của nguyên đơn; các quy định tại điểm này sẽ được áp dụng cho trường hợp nguyên đơn không nộp bản tự bảo vệ đối với yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu để bù trừ nghĩa vụ.
2. Nếu một bên vắng mặt tại phiên xét xử mà không chứng minh được bất kỳ lý do chính đáng nào sau khi đã nhận được thông báo hợp lệ theo Quy tắc này, hội đồng trọng tài sẽ tiếp tục tiến hành tổ tụng trọng tài.
3. Nếu sau khi đã được hội đồng trọng tài yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc các bằng chứng khác, một bên không thực hiện yêu cầu đó trong thời hạn đã được ấn định mà không chứng minh được bất kỳ lý do chính đáng nào, hội đồng trọng tài sẽ đưa ra phán quyết dựa trên các bằng chứng mà họ có.

Kết thúc thủ tục tổ tụng trọng tài

Điều 31

1. Khi thấy rằng các bên đã có cơ hội hợp lý để trình bày quan điểm của mình về vụ kiện, hội đồng trọng tài sẽ tuyên bố kết thúc thủ tục tổ tụng trọng tài.
2. Nếu hội đồng trọng tài thấy cần thiết do các hoàn cảnh đặc biệt, sau khi tự cân nhắc hoặc có yêu cầu của một bên, hội đồng trọng tài có thể quyết định tiếp tục tiến hành các thủ tục tổ tụng tại bất kỳ thời điểm nào trước khi phán quyết được ban hành.

Mất quyền phản đối

Điều 32

Việc một bên không phản đối kịp thời bất kỳ hành vi nào vi phạm quy định của Quy tắc này hoặc với bất kỳ yêu cầu nào của thỏa thuận trọng tài sẽ được coi là bên đó bị mất quyền phản đối, trừ trường hợp bên đó chứng minh được rằng việc không phản đối là chính đáng trong bối cảnh đó.

Mục IV.

Phán quyết

Các quyết định

Điều 33

1. Khi có nhiều hơn một trọng tài viên, mọi phán quyết hoặc quyết định khác của hội đồng trọng tài phải được thống nhất theo nguyên tắc đa số.
2. Trong trường hợp có vấn đề về thủ tục tố tụng, khi hội đồng trọng tài không thể quyết định theo nguyên tắc đa số hoặc khi hội đồng trọng tài cho phép, chủ tịch hội đồng trọng tài có thể tự đưa ra quyết định, phù hợp với sửa đổi của hội đồng trọng tài (nếu có).

Hình thức và hiệu lực của phán quyết

Điều 34

1. Hội đồng trọng tài có thể ban hành các phán quyết riêng biệt về các vấn đề khác nhau tại các thời điểm khác nhau.
2. Tất cả các phán quyết trọng tài phải được ban hành dưới dạng văn bản và có tính chất chung thẩm và ràng buộc các bên. Các bên phải thi hành tất cả các phán quyết trọng tài một cách không chậm trễ.
3. Hội đồng trọng tài phải nêu rõ lý do làm cơ sở cho phán quyết, trừ khi các bên đã thỏa thuận về việc không cần nêu rõ lý do.
4. Phán quyết phải được ký tên bởi tất cả các trọng tài viên và ghi rõ ngày ban hành phán quyết đó và địa điểm pháp lý của trọng tài. Trong trường hợp có nhiều hơn một trọng tài viên và một trong số họ không ký tên, phán quyết cần nêu rõ lý do tại sao không có chữ ký của trọng tài viên đó.
5. Phán quyết có thể được công bố công khai khi có sự chấp thuận của các bên hoặc trong trường hợp và trong phạm vi một bên có nghĩa vụ pháp lý phải công bố phán quyết đó, khi cần bảo vệ hoặc thực hiện quyền hợp pháp, hoặc khi liên quan đến thủ tục tố tụng tại tòa án hoặc cơ quan chức năng khác.
6. Bản sao của phán quyết có chữ ký của các trọng tài viên phải được gửi tới các bên và Ban Thư ký.
7. Trong các vụ kiện chỉ liên quan tới các Quốc gia, các bên phải gửi luật, quy định hay các tài liệu khác chứng minh cho việc thi hành phán quyết.

Luật áp dụng, hòa giải công minh

Điều 35

1. Hội đồng trọng tài phải áp dụng các quy tắc pháp luật được lựa chọn bởi các bên để điều chỉnh nội dung tranh chấp. Nếu các bên không lựa chọn luật áp dụng, hội đồng trọng tài sẽ:
 - (a) Trong các vụ kiện chỉ liên quan tới các Quốc gia, giải quyết các tranh chấp đó theo luật quốc tế bằng cách áp dụng:
 - i. Công ước quốc tế, dù chung hay riêng, mà thiết lập các quy tắc được các Quốc gia tranh chấp công nhận;
 - ii. Tập quán quốc tế như là bằng chứng về thực tiễn chung được chấp nhận như luật;
 - iii. Các quy tắc chung của pháp luật được các quốc gia văn minh thừa nhận;
 - iv. Các nguồn bổ trợ để xác định các quy định pháp luật bao gồm các phán quyết của tòa án và trọng tài, cũng như ý kiến của các học giả có uy tín cao từ các quốc gia khác nhau.
 - (b) Trong các vụ kiện chỉ liên quan tới Quốc gia và tổ chức liên chính phủ, áp dụng các quy định của tổ chức có liên quan và luật áp dụng cho bất kỳ thỏa thuận hoặc mối quan hệ nào giữa các bên, và khi phù hợp, các quy tắc chung điều chỉnh luật về tổ chức liên chính phủ và các quy tắc chung của luật quốc tế.
 - (c) Trong các vụ kiện có liên quan tới tổ chức liên chính phủ và bên tư nhân, áp dụng các quy định của tổ chức liên quan và luật áp dụng cho bất kỳ thỏa thuận hoặc mối quan hệ nào mà từ đó tranh chấp phát sinh hoặc liên quan đến, và khi phù hợp, áp dụng các quy tắc chung điều chỉnh luật về tổ chức liên chính phủ và các quy tắc chung của luật quốc tế. Trong các vụ kiện đó, hội đồng trọng tài sẽ giải quyết tranh chấp dựa trên các điều khoản của thỏa thuận và cân nhắc các tập quán thương mại có liên quan.
 - (d) Trong tất cả các vụ kiện, áp dụng các quy định pháp luật mà hội đồng trọng tài thấy phù hợp. Trong các vụ kiện đó, hội đồng trọng tài sẽ giải quyết tranh chấp dựa trên các điều khoản của thỏa thuận và cân nhắc các tập quán thương mại có liên quan.
2. Hội đồng trọng tài sẽ chỉ giải quyết tranh chấp *với tư cách là người hòa giải công minh* hoặc *theo lẽ công bằng* nếu các bên đã thỏa thuận rõ ràng về điều đó.

Thỏa thuận giải quyết tranh chấp của các bên hoặc các căn cứ chấm dứt tố tụng trọng tài khác

Điều 36

1. Nếu trước khi phán quyết trọng tài được ban hành, các bên đạt được thỏa thuận về việc giải quyết tranh chấp, hội đồng trọng tài sẽ ban hành lệnh chấm dứt tố tụng trọng tài, hoặc trong trường hợp các bên yêu cầu và hội đồng trọng tài chấp thuận, hội đồng trọng tài sẽ ghi nhận thỏa thuận giải quyết tranh chấp dưới hình thức một phán quyết trọng tài dựa trên thỏa thuận của các bên. Hội đồng trọng tài không có nghĩa vụ phải nêu rõ lý giải cho phán quyết đó.

2. Nếu trước khi phán quyết trọng tài được ban hành, việc tiếp tục tổ tụng trọng tài trở nên không cần thiết hoặc không thể thực hiện được vì bất kỳ lý do nào không được đề cập tại khoản 1, hội đồng trọng tài sẽ thông báo tới các bên về ý định ban hành lệnh chấm dứt tổ tụng trọng tài của họ. Hội đồng trọng tài có thẩm quyền ban hành lệnh chấm dứt tổ tụng trọng tài đó, trừ trường hợp vẫn còn các vấn đề cần được giải quyết và hội đồng trọng tài cho là phù hợp để tiếp tục.
3. Hội đồng trọng tài sẽ gửi tới các bên bản sao của lệnh chấm dứt tổ tụng trọng tài hoặc phán quyết trọng tài dựa trên thỏa thuận của các bên có chữ ký của các trọng tài viên. Khi phán quyết trọng tài dựa trên thỏa thuận của các bên được ban hành, các quy định tại điều 34, khoản 2, 4 và 5 sẽ được áp dụng.

Giải thích phán quyết

Điều 37

1. Trong vòng 30 ngày kể từ sau khi nhận được phán quyết trọng tài, sau khi đã thông báo cho các bên còn lại và Ban Thư ký, một bên có thể yêu cầu hội đồng trọng tài giải thích phán quyết.
2. Hội đồng trọng tài sẽ giải thích phán quyết bằng văn bản trong vòng 45 ngày kể từ sau khi nhận được yêu cầu. Phần giải thích phán quyết sẽ được coi là một phần của phán quyết và các quy định tại điều 34, khoản 2 đến 6 sẽ được áp dụng.

Chỉnh sửa phán quyết

Điều 38

1. Trong vòng 30 ngày kể từ sau khi nhận được phán quyết, sau khi đã thông báo trước cho các bên và Ban Thư ký, một bên có thể yêu cầu hội đồng trọng tài chỉnh sửa các lỗi sai về tính toán, lỗi văn thư hoặc chính tả, hoặc bất kỳ lỗi hay sai sót nào khác tương tự. Trong trường hợp hội đồng trọng tài thấy yêu cầu này là chính đáng, hội đồng trọng tài sẽ chỉnh sửa phán quyết trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.
2. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày ban hành phán quyết, hội đồng trọng tài có thể chủ động chỉnh sửa các lỗi sai nêu trên.
3. Việc chỉnh sửa phán quyết đó phải được thực hiện bằng văn bản và sẽ cấu thành một phần của phán quyết. Các quy định tại điều 34, khoản 2 đến 6 sẽ được áp dụng.

Phán quyết bổ sung

Điều 39

1. Trong vòng 30 ngày kể từ sau khi nhận được lệnh chấm dứt tổ tụng trọng tài hoặc phán quyết trọng tài, sau khi thông báo cho các bên khác và Ban Thư ký, một bên có thể yêu cầu hội đồng trọng tài ban hành phán quyết hoặc phán quyết bổ sung đối với các yêu cầu khởi kiện trong tổ tụng trọng tài mà chưa được giải quyết bởi hội đồng trọng tài.

2. Trong trường hợp hội đồng trọng tài thấy yêu cầu ban hành phán quyết hoặc phán quyết bổ sung là chính đáng, hội đồng trọng tài sẽ ban hành hoặc hoàn thiện phán quyết trong vòng 60 ngày kể từ sau khi nhận được yêu cầu. Hội đồng trọng tài có thể gia hạn thời hạn ban hành phán quyết.
3. Khi phán quyết hoặc phán quyết bổ sung được ban hành, các quy định tại điều 34, khoản 2 đến 6 sẽ được áp dụng.

Ấn định chi phí trọng tài

Điều 40

1. Hội đồng trọng tài sẽ ấn định chi phí trọng tài trong phán quyết cuối cùng và trong một quyết định khác nếu họ cho là phù hợp.
2. Thuật ngữ “chi phí” chỉ bao gồm:
 - (a) Thù lao của hội đồng trọng tài được tính riêng đối với mỗi trọng tài viên và do chính hội đồng trọng tài ấn định theo quy định tại điều 41;
 - (b) Chi phí đi lại hợp lý và các chi phí khác của hội đồng trọng tài;
 - (c) Chi phí hợp lý cho việc tư vấn chuyên gia hoặc hỗ trợ khác mà hội đồng trọng tài yêu cầu;
 - (d) Chi phí đi lại hợp lý và các chi khác của người làm chứng, trong phạm vi các chi phí đó được hội đồng trọng tài chấp thuận;
 - (e) Chi phí pháp lý và các chi phí khác của các bên phát sinh liên quan tới tố tụng trọng tài, trong phạm vi các chi phí đó được hội đồng trọng tài xác định là hợp lý;
 - (f) Thù lao và chi phí của Ban Thư ký, bao gồm cả thù lao và chi phí của cơ quan chỉ định.
3. Đối với việc giải thích, chỉnh sửa và hoàn thiện phán quyết quy định tại các điều 37 đến 39, hội đồng trọng tài có thể tính chi phí được quy định tại các khoản 2 (b) đến (f) nhưng không được tính thêm thù lao.

Thù lao và chi phí của các trọng tài viên

Điều 41

1. Các chi phí được quy định tại điều 40, khoản 2 (a), (b) và (c) phải là số tiền được tính toán hợp lý dựa trên giá trị tranh chấp, mức độ phức tạp của vụ kiện, thời gian mà các trọng tài viên hoặc chuyên gia được hội đồng trọng tài chỉ định đã dành ra, và các tình tiết liên quan khác của vụ kiện.
2. Ngay sau khi được thành lập, hội đồng trọng tài phải thông báo cho các bên về đề xuất cách tính thù lao và chi phí của họ, bao gồm cả mức thù lao hội đồng trọng tài dự kiến áp dụng. Trong vòng 15 ngày sau khi nhận được đề xuất đó, bất kỳ bên nào cũng có thể yêu cầu cơ quan chỉ định xem xét lại đề xuất. Nếu cơ quan chỉ định thấy rằng đề xuất của hội đồng trọng tài không phù hợp với quy định tại khoản 1, cơ quan chỉ định có thể thực hiện các điều chỉnh cần thiết và các điều chỉnh đó có giá trị ràng buộc với hội đồng trọng tài.

3. (a) Trước khi ấn định chi phí trọng tài theo điều 40, hội đồng trọng tài cần đệ trình cho cơ quan chỉ định xem xét quyết định của họ về chi phí được quy định tại điều 40, khoản 2 (a), (b) và (c), cùng với giải thích về cách tính toán các khoản chi phí đó;
(b) Nếu cơ quan chỉ định nhận thấy quyết định của hội đồng trọng tài không phù hợp với các yếu tố được quy định tại khoản 1, hoặc không phù hợp với đề xuất của hội đồng trọng tài (hoặc bất kỳ điều chỉnh nào) theo khoản 2, cơ quan chỉ định sẽ thực hiện các điều chỉnh phù hợp đối với quyết định của hội đồng trọng tài. Các điều chỉnh đó sẽ có giá trị ràng buộc với hội đồng trọng tài khi họ ấn định chi phí trọng tài theo quy định tại điều 40.
4. Xuyên suốt quá trình thực hiện thủ tục quy định khoản 2 và 3 của điều này, hội đồng trọng tài có thể tiếp tục tiến hành tổ tụng trọng tài theo quy định tại điều 17, khoản 1.

Phân bổ chi phí trọng tài

Điều 42

1. Về nguyên tắc, bên hoặc các bên thua kiện có trách nhiệm chi trả chi phí trọng tài. Tuy nhiên, hội đồng trọng tài có thể phân bổ từng khoản chi phí đó cho các bên nếu họ thấy rằng việc phân bổ chi phí là hợp lý sau khi xem xét các tình tiết của vụ kiện.
2. Hội đồng trọng tài sẽ xác định số tiền mà một bên phải trả bên còn lại sau khi có quyết định về việc phân bổ chi phí trong phán quyết cuối cùng hoặc trong bất kỳ phán quyết nào khác nếu hội đồng trọng tài thấy phù hợp.

Khoản tạm ứng cho chi phí trọng tài

Điều 43

1. Sau khi tổ tụng trọng tài bắt đầu, Ban Thư ký có thể yêu cầu các bên nộp một khoản tiền bằng nhau như là một khoản tạm ứng để chi trả các chi phí được quy định tại điều 40, khoản 2 (a), (b), (c) và (f). Các khoản tạm ứng của các bên theo khoản này và khoản 2 của điều này sẽ được chuyển cho Ban Thư ký và sẽ được Ban Thư ký sử dụng để chi trả các chi phí, bao gồm (nhưng không giới hạn) thù lao của trọng tài viên, cơ quan chỉ định và Ban Thư ký. Trước khi chi phí trọng tài được ấn định theo quy định tại điều 40, Ban Thư ký sẽ đảm bảo việc chi trả thù lao và chi phí của hội đồng trọng tài tuân thủ các yêu cầu tại điều 41, khoản 1 và đề xuất của hội đồng trọng tài (và các điều chỉnh liên quan) theo điều 41, khoản 2.
2. Trong quá trình tổ tụng trọng tài, Ban Thư ký có thể yêu cầu các bên nộp khoản tạm ứng bổ sung.
3. Các khoản tạm ứng để bảo đảm việc thi hành phán quyết trọng tài theo điều 26 phải được chuyển tới Ban Thư ký và sẽ được Ban Thư ký chi trả theo hướng dẫn của hội đồng trọng tài.

4. Nếu khoản tạm ứng không được nộp đầy đủ trong vòng 30 ngày kể từ sau khi các bên nhận được yêu cầu hoặc trong thời hạn khác được ấn định bởi Ban Thư ký, Ban Thư ký sẽ thông báo cho các bên để một hoặc nhiều bên thay mặt nộp khoản tạm ứng đó. Nếu khoản tạm ứng không được nộp, hội đồng trọng tài có thể ban hành lệnh tạm dừng hoặc chấm dứt tố tụng trọng tài.
5. Sau khi lệnh chấm dứt tố tụng trọng tài hoặc phán quyết được ban hành, Ban Thư ký sẽ quyết toán khoản tạm ứng của các bên và hoàn trả số tiền dư chưa sử dụng cho các bên.

Nghị định thư Tùy chọn về các Biện pháp Khẩn cấp Tạm thời của Tòa Trọng tài Thường trực

Được thông qua bởi Hội đồng Hành chính của Tòa Trọng tài Thường trực vào ngày 10 tháng 9 năm 2024

Điều 1: Phạm vi Áp dụng

1. Nghị định thư này chỉ áp dụng cho các tổ tụng trọng tài mà các bên đã có thỏa thuận về việc áp dụng Nghị định thư này.
2. Phù hợp với quy định tại khoản 1, Nghị định thư này có thể được áp dụng cho các tổ tụng trọng tài được tiến hành dựa trên bất kỳ quy tắc nào được thông qua bởi Hội đồng Hành chính của Tòa Trọng tài Thường trực tại La Hay, dựa trên các quy tắc trọng tài khác hoặc trong trọng tài *vụ việc* nếu không trái với các quy định của Nghị định thư này. Nghị định thư này có thể được áp dụng cho các tổ tụng trọng tài được hoặc không được quản trị bởi Ban Thư ký của Tòa Trọng tài Thường trực (sau đây được gọi là “Ban Thư ký”).

Điều 2: Các Biện pháp Khẩn cấp Tạm thời

1. Biện pháp khẩn cấp tạm thời là bất kỳ biện pháp nào có tính chất tạm thời được áp dụng trước khi hội đồng trọng tài được thành lập, theo đó một trọng tài viên khẩn cấp sẽ yêu cầu một bên, ví dụ và không giới hạn:
 - (a) duy trì hoặc khôi phục hiện trạng cho tới khi tranh chấp được giải quyết;
 - (b) ngăn chặn hoặc không được thực hiện các hành vi có thể gây (i) thiệt hại trong hiện tại hoặc tương lai, hoặc (ii) phương hại tới quá trình tổ tụng trọng tài;
 - (c) cung cấp cách thức để bảo toàn tài sản có thể được sử dụng để thi hành phán quyết sau này; hoặc
 - (d) bảo toàn chứng cứ có thể liên quan tới và quan trọng với việc giải quyết tranh chấp.
2. Biện pháp khẩn cấp tạm thời được quy định tại các khoản 1(a) đến (c) phía trên sẽ được áp dụng chỉ khi bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời chứng minh cho trọng tài viên khẩn cấp rằng:
 - (a) yêu cầu đó không thể bị trì hoãn cho đến khi hội đồng trọng tài được thành lập;
 - (b) có thể xảy ra thiệt hại không thể được khắc phục thích đáng bằng phán quyết về bồi thường thiệt hại nếu biện pháp khẩn cấp tạm thời không được ban hành, và thiệt hại đó lớn hơn nhiều so với thiệt hại mà bên bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải chịu nếu biện pháp tạm thời được ban hành; và
 - (c) có nhiều khả năng bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ thắng kiện. Việc xác định khả năng thắng kiện này sẽ không ảnh hưởng tới quyền tự quyết định phán quyết sau này của hội đồng trọng tài.
3. Đối với yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo khoản 1(d), các yêu cầu được quy định tại các khoản 2(a) đến (c) sẽ được áp dụng trong phạm vi mà trọng tài viên khẩn cấp cho là phù hợp.

4. Bên yêu cầu áp dụng biện pháp tạm thời có thể phải chịu trách nhiệm đối với chi phí và thiệt hại gây ra bởi biện pháp tạm thời cho bất kỳ bên nào khác nếu hội đồng trọng tài nhận thấy rằng biện pháp tạm thời đáng lẽ không nên được ban hành trong hoàn cảnh tại thời điểm đó. Hội đồng trọng tài có thể ra quyết định về các khoản chi phí và thiệt hại đó tại bất kỳ thời điểm nào của quá trình tố tụng.
5. Việc một bên gửi yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tới cơ quan tư pháp sẽ không bị coi là trái với thỏa thuận trọng tài hoặc là sự từ bỏ thỏa thuận trọng tài đó.

Điều 3: Yêu cầu Áp dụng các Biện pháp Khẩn cấp Tạm thời

1. Một bên yêu cầu chỉ định trọng tài viên khẩn cấp và áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải nộp yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời tới Ban Thư ký.
2. Yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có thể được nộp đồng thời với thông báo trọng tài hoặc sau khi thông báo trọng tài được đệ trình, nhưng phải được nộp trước khi hội đồng trọng tài được thành lập.
3. Đồng thời với việc nộp yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, bên yêu cầu phải gửi bản sao của yêu cầu đó cho tất cả các bên khác.
4. Yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải bao gồm:
 - (a) mô tả về tranh chấp và các tình tiết dẫn tới yêu cầu;
 - (b) tuyên bố về tính chất của biện pháp khẩn cấp tạm thời được yêu cầu áp dụng;
 - (c) lí do vì sao các biện pháp khẩn cấp tạm thời đó là cần thiết trên cơ sở khẩn cấp, không thể bị trì hoãn cho đến khi hội đồng trọng tài được thành lập;
 - (d) lí do tại sao bên đó có quyền yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời đó, xét đến các quy định tại Điều 2(2)(b) và 2(2)(c) nêu trên;
 - (e) bản sao của các tài liệu liên quan và đặc biệt là thỏa thuận trọng tài;
 - (f) bản sao của thông báo trọng tài, phản hồi thông báo trọng tài và bất kỳ các bản đệ trình nào khác đã được nộp;
 - (g) tên và thông tin liên hệ của các bên và người đại diện của họ;
 - (h) thông tin về bất kỳ thỏa thuận nào về địa điểm pháp lý của trọng tài, luật áp dụng hoặc ngôn ngữ trọng tài;
 - (i) xác nhận rằng tất cả các bên khác đã được cung cấp bản sao của yêu cầu, nếu không cần nêu rõ nỗ lực thiện chí của mình trong việc cung cấp bản sao hoặc thông báo về yêu cầu cho tất cả các bên khác;
 - (j) chứng từ thanh toán khoản tạm ứng cho Ban Thư ký với số tiền được quy định trên trang web của Ban Thư ký vào ngày nộp yêu cầu.
5. Yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cũng có thể đính kèm theo các tài liệu hoặc thông tin khác mà bên yêu cầu cho là phù hợp hoặc có thể hỗ trợ việc xem xét đơn yêu cầu được tiến hành hiệu quả hơn.

Điều 4: Chỉ định Trọng tài viên Khẩn cấp

1. Sau khi xem xét *sơ bộ* và thấy rằng Nghị định thư này được áp dụng và yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của một bên đầy đủ nội dung, Tổng Thư ký của Tòa Trọng tài Thường trực (sau đây được gọi là “Tổng Thư ký”) sẽ chỉ định trọng tài viên khẩn cấp trong khoảng thời gian nhanh nhất có thể, thường là trong vòng hai ngày làm việc sau khi Ban Thư ký nhận được yêu cầu và khoản tạm ứng.
2. Trọng tài viên khẩn cấp sẽ và luôn duy trì tính vô tư và độc lập đối với các bên.
3. Khi một người được liên hệ về việc họ có thể được chỉ định làm trọng tài viên khẩn cấp, họ phải phải công bố bất kỳ tình tiết nào có thể dẫn đến những nghi ngờ chính đáng về tính vô tư và độc lập của họ.
4. Kể từ khi được chỉ định và cho đến khi hoàn thành chức năng của mình, trọng tài viên khẩn cấp không được trộm chễ trong việc công bố bất kỳ tình tiết nào như vậy tới các bên và Ban Thư ký, trừ trường hợp các bên và Ban Thư ký đã được thông báo về tình tiết đó.
5. Trọng tài viên khẩn cấp không được tham gia vào bất kỳ thủ tục tố tụng nào liên quan đến tranh chấp dẫn đến yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Điều 5: Phản đối Trọng tài viên Khẩn cấp

1. Trọng tài viên khẩn cấp có thể bị phản đối nếu có các tình tiết dẫn đến những nghi ngờ chính đáng về tính vô tư và độc lập của trọng tài viên khẩn cấp đó.
2. Một bên có ý định phản đối trọng tài viên khẩn cấp phải gửi thông báo về việc phản đối của họ trong vòng ba ngày làm việc sau khi nhận được thông báo về việc chỉ định trọng tài viên khẩn cấp, hoặc từ ngày bên đó biết được những sự kiện hoặc tình tiết làm cơ sở cho việc phản đối sau khi nhận được thông báo về việc chỉ định trọng tài viên khẩn cấp.
3. Thông báo về việc phản đối sẽ được gửi cho tất cả các bên khác, trọng tài viên khẩn cấp và Ban Thư ký. Thông báo về việc phản đối cần phải nêu rõ lý do của việc phản đối đó.
4. Tổng Thư ký sẽ quyết định vấn đề phản đối đó sau khi đã tạo điều kiện cho trọng tài viên khẩn cấp và một hoặc nhiều bên khác trình bày quan điểm của mình bằng văn bản trong thời hạn phù hợp và dựa trên các tình tiết cụ thể của vụ kiện.
5. Trước khi ra quyết định về vấn đề phản đối, Tổng Thư ký có thể cho phép trọng tài viên khẩn cấp tiếp tục tiến hành thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Bất kỳ phán quyết hoặc lệnh tạm thời nào được ban hành bởi trọng tài viên khẩn cấp trong trường hợp đó sẽ không có hiệu lực pháp lý nếu sau đó việc phản đối trọng tài viên khẩn cấp được chấp nhận bởi Tổng Thư ký.

Điều 6: Địa điểm pháp lý của Thủ tục Áp dụng các Biện pháp Khẩn cấp Tạm thời

1. Nếu các bên đã thỏa thuận về địa điểm pháp lý của trọng tài, địa điểm đó sẽ là địa điểm pháp lý của thủ tục áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời.
2. Nếu các bên không có thỏa thuận như vậy, địa điểm pháp lý của thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ được xác định tạm thời bởi trọng tài viên khẩn cấp sau khi xem xét các tình tiết của vụ kiện và sẽ không ảnh hưởng tới việc xác định địa điểm pháp lý của trọng tài dựa trên các quy tắc trọng tài áp dụng.

Điều 7: Quy trình Tổ tụng

1. Phù hợp với quy định của Nghị định thư này, trọng tài viên khẩn cấp sẽ tiến hành tố tụng theo cách thức mà họ cho là phù hợp sau khi đã xem xét tính chất và tính cấp thiết của yêu cầu. Trọng tài khẩn cấp phải xét xử công bằng, vô tư và đảm bảo mỗi bên được tạo cơ hội hợp lý để trình bày quan điểm của mình.
2. Trong thời gian sớm nhất có thể và thường là trong vòng hai ngày kể từ khi được chỉ định, trọng tài viên khẩn cấp sẽ lập thời gian biểu giải quyết yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.
3. Trọng tài viên khẩn cấp sẽ tạo cơ hội hợp lý cho mỗi bên để trình bày quan điểm của mình và có thể tiến hành tố tụng qua điện thoại, hội nghị truyền hình, dựa trên các bản đề trình hoặc các phương tiện phù hợp khác thay thế cho phiên xét xử trực tiếp.

Điều 8: Quyết định

1. Trọng tài viên khẩn cấp có thẩm quyền tương tự như hội đồng trọng tài theo các quy tắc trọng tài áp dụng, bao gồm quyền quyết định về thẩm quyền của chính mình mà không ảnh hưởng tới quyền quyết định thẩm quyền của hội đồng trọng tài.
2. Trọng tài viên khẩn cấp có quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà họ cho là cần thiết. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời đó sẽ được ban hành dưới hình thức phán quyết hoặc lệnh tạm thời.
3. Trọng tài viên khẩn cấp có thể yêu cầu bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thực hiện biện pháp bảo đảm thích hợp cho biện pháp đó.
4. Trọng tài viên khẩn cấp sẽ tóm tắt lí giải của mình bằng văn bản.
5. Trọng tài viên khẩn cấp sẽ ấn định chi phí cho thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và có thể phân bổ chi phí đó cho các bên một cách phù hợp với thẩm quyền của hội đồng trọng tài trong việc đưa ra quyết định cuối cùng về việc phân bổ chi phí.
6. Trọng tài viên khẩn cấp sẽ ban hành phán quyết hoặc lệnh tạm thời về việc có áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hay không trong vòng 14 ngày kể từ ngày trọng tài viên đó được chỉ định, trừ trường hợp Ban Thư ký gia hạn thời hạn đó trong các trường hợp đặc biệt.

7. Trước khi hội đồng trọng tài được thành lập, trọng tài viên khẩn cấp có thể làm rõ, sửa đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà họ đã ban hành. Trọng tài viên khẩn cấp có thể yêu cầu bất kỳ bên nào thông báo kịp thời về những thay đổi quan trọng trong các tình tiết làm cơ sở cho việc yêu cầu hoặc ban hành biện pháp khẩn cấp tạm thời.
8. Trọng tài viên khẩn cấp có thể tiếp tục tiến hành thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và ban hành phán quyết hoặc lệnh tạm thời kể cả khi hội đồng trọng tài đã được thành lập tại thời điểm đó, trừ trường hợp hội đồng trọng tài quyết định chấm dứt thủ tục áp dụng biện pháp tạm thời. Trọng tài viên khẩn cấp sẽ không có quyền xét xử sau khi hội đồng trọng tài đã được thành lập.

Điều 9: Hiệu lực của các Biện pháp Khẩn cấp Tạm thời

1. Bất kỳ biện pháp khẩn cấp tạm thời nào được ban hành theo Nghị định thư này sẽ có hiệu lực tương tự như biện pháp tạm thời được ban hành bởi hội đồng trọng tài và sẽ có giá trị ràng buộc đối với các bên ngay khi biện pháp đó được ban hành. Các bên cam kết tuân thủ ngay lập tức các biện pháp khẩn cấp tạm thời do trọng tài viên khẩn cấp ra lệnh hoặc quyết định.
2. Hội đồng trọng tài có thể xem xét lại, sửa đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt áp dụng các biện pháp tạm thời được ban hành bởi trọng tài viên khẩn cấp theo yêu cầu của một bên hoặc theo quyết định của hội đồng trọng tài, sau khi đã tạo điều kiện cho các bên trình bày ý kiến của mình. Hội đồng trọng tài không bị ràng buộc bởi các lí giải của trọng tài viên khẩn cấp.
3. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ chấm dứt hiệu lực ràng buộc với các bên:
 - (a) Nếu trọng tài viên khẩn cấp hoặc hội đồng trọng tài quyết định như vậy;
 - (b) Khi hội đồng trọng tài ban hành phán quyết cuối cùng, trừ trường hợp hội đồng trọng tài có quyết định khác;
 - (c) Khi tổ tụng trọng tài chấm dứt trước khi phán quyết cuối cùng được ban hành; hoặc
 - (d) Nếu hội đồng trọng tài không được thành lập trong vòng 90 ngày kể từ ngày ban hành biện pháp khẩn cấp tạm thời và không có yêu cầu chỉ định trọng tài viên hoặc bổ nhiệm cơ quan chỉ định nào đang được xem xét. Thời hạn này có thể được gia hạn theo thỏa thuận của các bên hoặc bởi Ban Thư ký.

Điều 10: Chi phí của Thủ tục Áp dụng các Biện pháp Khẩn cấp Tạm thời

1. Trước khi ấn định chi phí của thủ tục áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 8(5) của Nghị định thư này, trọng tài viên khẩn cấp phải gửi mức thù lao của mình để Tổng Thư ký xem xét và điều chỉnh nếu thấy chưa phù hợp. Thù lao và chi phí của trọng tài viên khẩn cấp phải được ấn định ở mức hợp lý, có xét đến giá trị tranh chấp, mức độ phức tạp của vụ kiện, tính chất của thủ tục khẩn cấp, khối lượng công việc đã thực hiện và các tình tiết liên quan khác của vụ kiện.
2. Phí hành chính khẩn cấp của Ban Thư ký được công bố trên trang web của họ và có thể được thay đổi theo từng thời điểm.

Điều 11: Khoản tạm ứng

1. Khoản tạm ứng ban đầu được sử dụng nhằm chi trả thù lao và chi phí của trọng tài viên khẩn cấp và phí hành chính khẩn cấp của Ban Thư ký. Ban Thư ký sẽ công bố mức tạm ứng ban đầu trên trang web của họ và có thể thay đổi mức tạm ứng này theo từng thời điểm.
2. Tại bất kỳ thời điểm nào của quá trình tố tụng trọng tài, Ban Thư ký có thể yêu cầu khoản tạm ứng bổ sung để chi trả thù lao của trọng tài viên khẩn cấp hoặc phí hành chính khẩn cấp của Ban Thư ký phát sinh thêm, có xét đến tính chất của vụ kiện, tính chất và khối lượng công việc đã được thực hiện bởi trọng tài viên khẩn cấp và Ban Thư ký, và *các yếu tố khác*. Nếu bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không nộp các khoản tạm ứng bổ sung trong thời hạn được ấn định bởi Ban Thư ký, trọng tài viên khẩn cấp có thể bác bỏ yêu cầu đó.
3. Trong trường hợp thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không được thực hiện theo quy định tại Điều 4(1) của Nghị định thư này hoặc được chấm dứt trước khi phán quyết hoặc lệnh tạm thời được ban hành, Ban Thư ký sẽ xác định số tiền được hoàn trả cho bên yêu cầu, nếu có.

Nghị định thư Tùy chọn về Thủ tục Rút gọn của Tòa Trọng tài Thường trực

Được thông qua bởi Hội đồng Hành chính của Tòa Trọng tài Thường trực vào ngày 10 tháng 9 năm 2024

Điều 1: Phạm vi Áp dụng

1. Khi các bên đã thỏa thuận rằng Nghị định thư này sẽ được áp dụng đối với các tranh chấp giữa họ, các tranh chấp đó sẽ được giải quyết theo Nghị định thư này cùng với những sửa đổi theo thỏa thuận của các bên.
2. Phù hợp với quy định tại khoản 1, Nghị định thư này có thể được áp dụng cho các tổ tụng trọng tài được tiến hành dựa trên bất kỳ quy tắc nào được thông qua bởi Hội đồng Hành chính của Tòa Trọng tài Thường trực tại La Hay, dựa trên các quy tắc trọng tài khác hoặc trong trọng tài *vu việc* nếu không trái với các quy định của Nghị định thư này. Nghị định thư này có thể được áp dụng cho các tổ tụng trọng tài được hoặc không được quản trị bởi Ban Thư ký của Tòa Trọng tài Thường trực (sau đây được gọi là “Ban Thư ký”).

Điều 2: Thủ tục Rút gọn

1. Khi các bên đã thỏa thuận áp dụng Nghị định thư này, thủ tục sau đây sẽ được áp dụng:
 - (a) Các thời hạn được quy định tại bất kỳ quy tắc tổ tụng nào khác được áp dụng sẽ được rút ngắn một nửa, trừ trường hợp hội đồng trọng tài có quyết định khác sau khi đã tạo điều kiện cho các bên trình bày quan điểm của mình.
 - (b) Vụ kiện sẽ được xét xử bởi một trọng tài viên duy nhất.
 - (c) Hội đồng trọng tài có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp tổ tụng mà họ cho là phù hợp. Cụ thể, sau khi tham vấn ý kiến của các bên, hội đồng trọng tài có thể quyết định không chấp nhận yêu cầu cung cấp tài liệu hoặc quy định giới hạn số lượng, dung lượng và phạm vi nội dung của các bản đệ trình và các bản tự khai của người làm chứng (bao gồm cả người làm chứng về các tình tiết của vụ kiện và chuyên gia).
 - (d) Sau khi tham vấn ý kiến của các bên, hội đồng trọng tài có thể quyết định giải quyết tranh chấp chỉ dựa trên các bản đệ trình và tài liệu, hoặc tổ chức phiên xét xử để phục vụ cho việc thẩm vấn một hoặc nhiều người làm chứng, bao gồm cả các chuyên gia, hoặc cho việc tranh tụng. Hội đồng trọng tài có thể tổ chức phiên xét xử bằng hội nghị truyền hình, điện thoại hoặc các phương tiện liên lạc tương tự.
 - (e) Phán quyết cuối cùng sẽ được ban hành trong vòng sáu tháng kể từ ngày hội đồng trọng tài được thành lập, trừ trường hợp Ban Thư ký gia hạn thời hạn ban hành phán quyết cuối cùng trong các trường hợp đặc biệt.
 - (f) Hội đồng trọng tài có thể trình bày tóm tắt các lý do làm cơ sở cho bất kỳ phán quyết hoặc quyết định nào của họ.

2. Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình tố tụng, các bên có thể thống nhất rằng Nghị định thư này sẽ không còn được áp dụng cho tố tụng trọng tài. Trong trường hợp đó, hội đồng trọng tài sẽ tiếp tục xét xử trừ khi các bên có thỏa thuận khác.
3. Theo quyết định của mình hoặc theo yêu cầu của một bên, sau khi đã tạo điều kiện cho các bên bày tỏ quan điểm của họ, sau khi xét đến bất kỳ thông tin bổ sung nào được cung cấp sau đó và sau khi tham vấn ý kiến của Tổng Thư ký của Tòa Trọng tài Thường trực, hội đồng trọng tài có thể quyết định rằng tố tụng trọng tài sẽ không được hoặc không còn được tiến hành theo thủ tục rút gọn này. Trong trường hợp đó, hội đồng trọng tài sẽ tiếp tục xét xử trừ khi họ cho rằng việc thay thế hoặc thành lập lại hội đồng trọng tài là phù hợp.

Điều 3: Ưu tiên Áp Dụng đối với các Điều khoản Mâu thuẫn

Tùy thuộc vào bất kỳ sửa đổi nào mà các bên có thể thỏa thuận theo quy định tại Điều 1(1) của Nghị định thư này, thủ tục rút gọn được quy định tại Nghị định thư này sẽ điều chỉnh tố tụng trọng tài kể cả trong trường hợp thủ tục này mâu thuẫn với một điều khoản của thỏa thuận trọng tài hoặc các quy tắc trọng tài áp dụng.

Nghị định thư Tùy chọn về Rà soát Phán quyết của Tòa Trọng tài Thường trực

Được thông qua bởi Hội đồng Hành chính của Tòa Trọng tài Thường trực vào ngày 10 tháng 9 năm 2024

Điều 1: Phạm vi Áp dụng

1. Nghị định thư này chỉ được áp dụng cho các tổ tụng trọng tài khi các bên đã có thỏa thuận về việc áp dụng Nghị định thư này.
2. Phù hợp với quy định tại khoản 1, Nghị định thư này có thể được áp dụng cho các tổ tụng trọng tài được tiến hành dựa trên bất kỳ quy tắc nào được thông qua bởi Hội đồng Hành chính của Tòa Trọng tài Thường trực tại La Hay, dựa trên các quy tắc trọng tài khác hoặc trong trọng tài *vụ việc* nếu không trái với các quy định của Nghị định thư này. Nghị định thư này có thể được áp dụng cho các tổ tụng trọng tài được hoặc không được quản trị bởi Ban Thư ký của Tòa Trọng tài Thường trực (sau đây được gọi là “Ban Thư ký”).

Điều 2: Rà soát Phán quyết

1. Trước khi ký phán quyết, hội đồng trọng tài cần gửi bản thảo phán quyết cho Tổng Thư ký của Tòa Trọng tài Thường trực (sau đây được gọi là “Tổng Thư ký”).
2. Tổng Thư ký có thể đưa ra các sửa đổi về hình thức của phán quyết và cũng có thể lưu ý hội đồng trọng tài về các vấn đề liên quan tới nội dung của phán quyết mà không gây ảnh hưởng tới quyền tự do quyết định của hội đồng trọng tài.
3. Khi thực hiện chức năng này, Tổng Thư ký có thể yêu cầu nhân sự của Ban Thư ký tiến hành rà soát sơ bộ phán quyết và có thể thành lập một ủy ban gồm ít nhất ba người trong số các Trọng tài viên Thành viên của Tòa Trọng tài Thường trực mà không có bất kỳ mối liên quan nào đến vụ kiện để tư vấn cho mình.
4. Mọi trao đổi giữa Tổng Thư ký, hội đồng trọng tài, Ban Thư ký và ủy ban gồm các Trọng tài viên Thành viên của Tòa Trọng tài Thường trực được thành lập theo Nghị định thư này đều phải được bảo mật.
5. Hội đồng trọng tài không được ban hành phán quyết cho tới khi Tổng Thư ký chấp thuận hình thức của phán quyết.
6. Trong phạm vi tối đa mà pháp luật áp dụng cho phép, các bên từ bỏ quyền khiếu nại đối với bất kỳ hành động hoặc sai sót nào xảy ra liên quan tới Nghị định thư này của Tổng Thư ký, nhân sự của Ban Thư ký và Trọng tài viên Thành viên của Tòa Trọng tài Thường trực.

Phụ lục

Điều khoản trọng tài mẫu cho hợp đồng

Bất kỳ tranh chấp, bất đồng hoặc khiếu kiện nào phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này hoặc sự vi phạm, chấm dứt hoặc vô hiệu của hợp đồng này sẽ được giải quyết bởi trọng tài theo Quy tắc Trọng tài PCA năm 2012¹.

Điều khoản trọng tài mẫu cho điều ước quốc tế và các thỏa thuận khác

Bất kỳ tranh chấp, bất đồng hoặc khiếu kiện nào phát sinh từ hoặc liên quan tới [thỏa thuận] [điều ước] này, hoặc liên quan tới sự tồn tại, giải thích, áp dụng, vi phạm, chấm dứt hoặc vô hiệu của [thỏa thuận] [điều ước] đó, sẽ được giải quyết bởi trọng tài theo Quy tắc Trọng tài PCA năm 2012^{1bis}.

1. và 1bis. *Lưu ý — Các Bên có thể cân nhắc bổ sung:*

- (a) Số lượng trọng tài viên là ... (một, ba hoặc năm);
- (b) Địa điểm pháp lý trọng tài là ... (thành phố và quốc gia);
- (c) Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng trọng tài là ...

Điều khoản trọng tài mẫu về việc áp dụng các Nghị định thư Tùy chọn

Bất kỳ tranh chấp, bất đồng hoặc khiếu kiện nào phát sinh từ hoặc liên quan tới [thỏa thuận] [điều ước] này, hoặc liên quan tới sự tồn tại, giải thích, áp dụng, vi phạm, chấm dứt hoặc vô hiệu của [thỏa thuận] [điều ước] đó, sẽ được giải quyết bởi trọng tài theo Quy tắc Trọng tài PCA năm 2012. Nghị định thư Tùy chọn về [các Biện pháp Khẩn cấp Tạm thời] [Thủ tục Rút gọn] [Rà soát Phán quyết] sẽ được áp dụng.²

2. *Lưu ý — Ban Thư ký PCA cũng sẽ hiểu một cách khái quát rằng việc dẫn chiếu đến “Quy tắc Trọng tài PCA năm 2024” thể hiện sự đồng thuận áp dụng Nghị định thư Tùy chọn về các Biện pháp Khẩn cấp Tạm thời và Rà soát Phán quyết. Tương tự, việc dẫn chiếu tới “Quy tắc Trọng tài PCA về Thủ tục Rút gọn” sẽ được hiểu một cách khái quát là sự đồng thuận áp dụng Quy tắc Trọng tài PCA năm 2012 và Nghị định thư Tùy chọn về Thủ tục Rút gọn có hiệu lực tại thời điểm đó.*

Mẫu tuyên bố về việc từ bỏ quyền yêu cầu hủy phán quyết³

3. *Lưu ý — Nếu các bên muốn từ bỏ quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài theo quy định của luật áp dụng, họ có thể cân nhắc bổ sung một điều khoản với nội dung như dưới đây, tùy nhiên cần cân nhắc tới tính hiệu quả và điều kiện của việc từ bỏ quyền đó trên cơ sở luật áp dụng.*

Từ bỏ quyền yêu cầu hủy phán quyết: Các bên từ bỏ quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài dưới bất kỳ hình thức nào trước tòa án hoặc cơ quan chức năng, với điều kiện việc từ bỏ quyền đó là hợp lệ theo quy định của luật áp dụng.

Mẫu tuyên bố về tính vô tư và độc lập quy định tại điều 11 của Quy tắc⁴

Không có tình tiết cần công bố: Tôi vô tư và độc lập với từng bên và sẽ luôn như vậy. Trong phạm vi hiểu biết tốt nhất của tôi, không có tình tiết nào trong quá khứ hoặc hiện tại có thể dẫn tới những nghi ngờ chính đáng về tính vô tư và độc lập của tôi. Tôi sẽ thông báo nhanh chóng cho các bên và các trọng tài viên khác về những tình tiết nào như vậy phát sinh trong quá trình tố tụng trọng tài.

Có tình tiết cần công bố: Tôi vô tư và độc lập với từng bên và sẽ luôn như vậy. Tuyên bố theo điều 11 của Quy tắc Trọng tài PCA năm 2012 về (a) các mối quan hệ chuyên môn, nghề nghiệp và các mối quan hệ khác của tôi trong quá khứ và hiện tại với các bên và (b) các sự việc liên quan khác được đính kèm theo tuyên bố này. [Đính kèm tuyên bố cụ thể] Tôi xác nhận rằng những tình tiết này không ảnh hưởng tới tính vô tư và độc lập của tôi. Tôi sẽ thông báo nhanh chóng cho các bên và hội đồng trọng tài về bất kỳ mối quan hệ hoặc tình tiết nào như vậy phát sinh trong quá trình tố tụng trọng tài.

4. *Lưu ý — Bất kỳ bên nào cũng có thể cân nhắc yêu cầu trọng tài viên bổ sung tuyên bố về tính vô tư và độc lập sau đây.*

Tôi xác nhận rằng trên cơ sở các thông tin hiện có, tôi có thể dành đủ thời gian để tiến hành tố tụng trọng tài một cách cân trọng, hiệu quả và tuân thủ các thời hạn được quy định trong Quy tắc.

Chú giải của Ban Thư ký Tòa Trọng tài Thường trực (“PCA”) về Các Thời Hạn được Quy định trong Quy tắc Trọng tài PCA năm 2012 (“Quy tắc PCA năm 2012”)

Một số thời hạn trong Quy tắc PCA năm 2012 ngắn hơn so với các thời hạn được quy định trong các quy tắc trọng tài của PCA được ban hành vào thập niên 1990 (“Bộ Quy tắc PCA thập niên 1990”). Trong trường hợp Quy tắc PCA năm 2012 trao cho Ban Thư ký PCA thẩm quyền gia hạn thời hạn mặc định (xem Điều 4(1), 8(2)(b), 9(3) và 43(4) của Quy tắc PCA năm 2012), và khi Ban Thư ký nhận được một yêu cầu gia hạn mà họ cho là hợp lý, các thời hạn quy định trong Bộ Quy tắc PCA thập niên 1990 có thể được sử dụng làm cơ sở tham chiếu để Ban Thư ký quyết định việc gia hạn.

Điều khoản Trọng tài Mẫu

Bất kỳ tranh chấp, bất đồng hoặc khiếu kiện nào phát sinh từ hoặc liên quan tới [thỏa thuận] [điều ước] này, hoặc liên quan tới sự tồn tại, giải thích, áp dụng, vi phạm, chấm dứt hoặc vô hiệu của [thỏa thuận] [điều ước] đó, sẽ được giải quyết bởi trọng tài theo Quy tắc Trọng tài PCA năm 2012.

Ảnh bìa

Tranh thảm dệt “Tôn vinh Hòa bình” được trưng bày tại Phòng Xử Án Nhỏ của Tòa Trọng tài Thường trực tại Cung điện Hòa bình.

Tòa Trọng tài Thường trực

Cung điện Hòa Bình
Carnegieplein 2
2517 KJ La Hay
Hà Lan

Số điện thoại: +31 70 302 4165
Fax: +31 70 302 4167
Thư điện tử: bureau@pca-cpa.org
Trang điện tử: www.pca-cpa.org

